

Số: 280 /NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 23 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Quản lý văn hóa
của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 627/QĐ-KĐCLV ngày 09/3/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-KĐCLV ngày 27/12/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Quản lý văn hóa của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp XXII ngày 23/8/2025 của Hội đồng.

QUYẾT NGHỊ

1. Đoàn đánh giá ngoài thực hiện khảo sát chính thức từ ngày 15 tháng 5 đến ngày 18 tháng 5 năm 2025 và đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Quản lý văn hóa của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa của Đoàn đánh giá ngoài. Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ mức 4,0 điểm trở lên là 43 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 86%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu” (chi tiết trong Phụ lục I).



3. Kiến nghị Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa tham khảo 11 nhóm khuyến nghị của Hội đồng (chi tiết trong Phụ lục II) và xây dựng kế hoạch, giải pháp cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường.

4. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Quản lý văn hóa của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa theo quy định hiện hành.

5. Chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục tiếp theo của Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Quản lý văn hóa của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa được tính từ ngày ban hành Quyết định công nhận Chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục./.

TM. HỘI ĐỒNG 
CHỦ TỊCH


Phạm Lê Cường

Phụ lục I

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA

(Kèm theo Nghị quyết số: 280 /NQ-HĐKĐCLV ngày 23/8/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Mức đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Mức đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)			
Tiêu chuẩn 1	3,67	3,67	2	67	Tiêu chuẩn 7	3,80	3,80	4	80			
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4						
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4						
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	3						
Tiêu chuẩn 2	4,00	4,00	3	100	Tiêu chí 7.4	4				Tiêu chí 7.5	4	
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chuẩn 8	4,20				4,20	5	100
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chí 8.1	4						
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.2	4						
Tiêu chuẩn 3	3,67	Tiêu chí 8.3	4									
Tiêu chí 3.1	4	Tiêu chí 8.4	4									
Tiêu chí 3.2	3	3,67	2	67	Tiêu chí 8.5	5	3,80	4	80			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chuẩn 9	3,80						
Tiêu chuẩn 4	4,00				Tiêu chí 9.1	4						
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.2	4						
Tiêu chí 4.2	4	Tiêu chí 9.3	4									
Tiêu chí 4.3	4	Tiêu chí 9.4	3									
Tiêu chuẩn 5	3,80	Tiêu chí 9.5	4	3,83	5	83						
Tiêu chí 5.1	4	Tiêu chuẩn 10	3,83									
Tiêu chí 5.2	4	Tiêu chí 10.1	4									
Tiêu chí 5.3	3	Tiêu chí 10.2	4									
Tiêu chí 5.4	4	Tiêu chí 10.3	3									
Tiêu chí 5.5	4	3,80	4	80	Tiêu chí 10.4	4	3,86	6	86			
Tiêu chuẩn 6	3,86				Tiêu chí 10.5	4						
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.6	4						
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chuẩn 11	4,00				4,00	5	100
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chí 11.1	4						
Tiêu chí 6.4	3				Tiêu chí 11.2	4						
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.3	4						
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.4	4						
Tiêu chí 6.7	4	Tiêu chí 11.5	4									
Mức trung bình					Số tiêu chí đạt					Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)		
3,88					43					86		

Phụ lục II

CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA

(Kèm theo Nghị quyết số: 280 /NQ-HĐKĐCLV ngày 23/8/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường ĐH Vinh)

Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Quản lý văn hóa (sau đây gọi tắt là CTĐT) của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, giai đoạn 2019-2024, đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá cho thấy, CTĐT có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau:

Mục tiêu của CTĐT ngành Quản lý văn hoá được xác định rõ ràng gồm mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể; phù hợp với Tầm nhìn, Sứ mạng của Trường; phù hợp với các văn bản pháp lí hiện hành. Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT được xác định rõ ràng, nội dung có phản ánh cơ bản các yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ thông tin và cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan; Đề cương chi tiết được rà soát/điều chỉnh tổng thể theo quy định. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR, có phản ánh các yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá được xác định với nhiều hình thức đa dạng. Các học phần trong chương trình dạy học được cấu trúc đảm bảo sự liên mạch, kế thừa giữa các học phần thuộc các khối kiến thức, bố trí hợp lí, liên kết chặt chẽ với nhau theo trình tự chuyên môn, được rà soát hàng năm và điều chỉnh, có tham khảo của 03 trường đại học trong nước. Tỷ lệ giảng viên/sinh viên quy đổi tính cho mỗi năm học đủ/đáp ứng yêu cầu theo quy định (1/25). Công tác quản trị kết quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện bài bản. Môi trường tâm lí, xã hội và cảnh quan sư phạm thân thiện, an toàn và tích cực. Tỷ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học (NCKH) trên số sinh viên của ngành dao động trong khoảng từ 3,9 đến 15,5% theo từng năm học; có 4 đề tài NCKH, 5 giải thưởng sinh viên NCKH cấp trường.

Tuy nhiên, để CTĐT tiếp tục được cải tiến, nâng cao chất lượng hơn nữa, Hội đồng kiến nghị Nhà trường quan tâm các lĩnh vực theo 11 nhóm khuyến nghị đề xuất sau đây:

(1). Mục tiêu tổng quát cần diễn đạt lại mạch lạc, logic với mục tiêu cụ thể; mục tiêu cụ thể bổ sung nội hàm “*kiến thức lí thuyết toàn diện, chuyên sâu và kiến thức thực tế về ngành Quản lý văn hoá*”. Rà soát và xác định các động từ CĐR phù hợp theo thang đo, rà soát nội dung các CĐR phù hợp, logic, dễ đo lường. Rà soát nội hàm của 4 nhóm CĐR tường minh. Nhóm PLO 4: *Năng lực* nên thực hiện theo định hướng năng lực nghề nghiệp. Triển khai có hiệu quả việc lấy ý kiến các bên liên quan đảm bảo về số lượng phiếu, đối tượng khảo sát, địa bàn khảo sát, chú trọng phiếu có câu hỏi mở; tổ chức hội nghị góp ý trực tiếp CĐR cần tăng về số lượng, đối tượng tham dự. Trường cần tiếp tục đa dạng hình thức, cách thức công bố CĐR đảm bảo hấp dẫn, dễ tiếp cận.

42

(2). Nhà trường cần rà soát lại hình thức, diễn đạt và nội dung trình bày bản mô tả; bổ sung thông tin cần thiết/bỏ những thông tin không cần thiết để các bên liên quan dễ hiểu và tiếp cận. Rà soát hình thức đề cương chi tiết 2023, rút gọn/bỏ bớt phần *Báo cáo phân tích mô tả mối liên hệ trước các đề cương*; phân trình bày CDR theo các CLO với hình thức tường minh. Rà soát kỹ lưỡng phần nội dung và kế hoạch dạy học mô tả rõ hoạt động dạy - học cụ thể của giảng viên và người học. Mỗi đề cương chi tiết cần có số lượng ít nhất 2 - 3 tài liệu bắt buộc, 5 tài liệu tham khảo mà người học dễ tiếp cận; bổ sung tài liệu thiết yếu tại Thư viện; khuyến khích xuất bản giáo trình các học phần cốt lõi. Công bố đề cương chi tiết, bản mô tả CTĐT trên website của Trường để các bên liên quan dễ tiếp cận.

(3). Ma trận CDR cần sắp xếp theo kì học để hình thành nên đường năng lực. Xây dựng ma trận liên kết về phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo CDR đối với học phần. Rà soát ma trận CDR phân nhiệm cho các học phần theo 2 hướng: học phần (ngang) và PLO (dọc). Rà soát đề cương chi tiết thể hiện CDR học phần triển khai đầy đủ CDR của CTĐT đã được phân nhiệm. Rà soát CDR các học phần về nội hàm, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo các thang đo đã xác định. Tổ chức tập huấn cho giảng viên xây dựng đề cương chi tiết theo CDR.

Khoa/Bộ môn cần nghiên cứu tích hợp một số học phần cơ sở/chuyên ngành; thiết kế thêm các học phần tiếp cận quốc tế/kinh tế số/truyền thông; tăng học phần thực tế hoặc thực tế nội môn; tích hợp mạnh mẽ các học phần, xây dựng các hoặc phần theo các định hướng thị trường lao động. Cần rà soát xây dựng các học phần trong 2 nhóm tự chọn thành các định hướng. Giảm các học phần tiên quyết, tăng học phần học phần học trước, học phần song hành. Bố trí 3 học phần Tiếng Anh liên tiếp ở kỳ 4, 5, 6 để phù hợp hơn với lộ trình thực tập doanh nghiệp và thi đáp ứng chuẩn đầu ra B1.

(4). Từ năm 2025 - 2026, Nhà trường cần rà soát lại Triết lí giáo dục và chiến lược phát triển; kiến giải/hướng dẫn nội hàm của Triết lí giáo dục; tổ chức hội nghị truyền thông về Triết lí giáo dục; triển khai rộng rãi các hình thức quảng bá để các bên liên quan hiểu rõ hơn; cập nhật lại triết lí giáo dục trên website trường. Rà soát phân nhiệm phương pháp dạy học phù hợp theo từng đặc trưng học phần; cập nhật các phương pháp/kỹ thuật dạy học tiên tiến; cần phát triển Hệ thống quản lí học tập (LMS) và sử dụng hình thức Dạy học kết hợp (Blended learning). Tổ chức thường xuyên hơn các hoạt động hội thi, trải nghiệm, kỹ năng mềm, tọa đàm, hội thảo khoa học cho sinh viên; đẩy mạnh kết nối với cơ quan quản lí văn hóa/doanh nghiệp, hình thành Câu lạc bộ doanh nghiệp hỗ trợ.

(5). Nghiên cứu, xây dựng tài liệu, tập huấn kiểm tra đánh giá dựa trên các rubrics; xây dựng hướng dẫn đồng bộ mẫu tiêu chí các loại hình kiểm tra đánh giá; rà soát kỹ bản đặc tả ma trận câu hỏi thi sau các đề cương chi tiết về hình thức/cách thức/thang đo đánh giá. Rà soát lại quy định tỉ trọng điểm đánh giá thường xuyên; tham vấn ý kiến các bên liên quan về kiểm tra đánh giá. Rà soát trọng số điểm trong đề cương chi tiết 2023 phù hợp với quy định hiện hành; thực hiện việc xây dựng đầy đủ ngân hàng đề thi, rubrics theo đánh giá năng lực, xác định mức độ phù hợp của hoạt động kiểm tra đánh giá với

21



CDR để đảm bảo độ tin cậy; rà soát, kiểm tra chặt chẽ hơn việc thực hiện quy chế chấm thi đối với từng hình thức thi. Cần tổ chức phân tích phổ điểm để cải tiến phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá có hiệu quả. Cập nhật lại Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ năm 2021 để thống nhất các quy định về kiểm tra đánh giá, giúp các bên liên quan dễ theo dõi. Rà soát để giảm bớt thời gian công bố kết quả phúc khảo xuống 7-10 ngày kể từ ngày nhận đơn.

(6). Nhà trường cần rà soát, đánh giá hiệu quả của các hoạt động quy hoạch, thu hút, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ đã và đang thực hiện, nhằm xây dựng chiến lược nhân sự phù hợp, khả thi và sát với thực tiễn. Cần phân tích nhu cầu nhân lực từng khoa/ngành để xác định chỉ tiêu tuyển dụng theo hướng cân đối, ưu tiên những đơn vị/ngành còn thiếu hụt giảng viên trình độ cao. Cần xây dựng và triển khai hệ thống đánh giá năng lực giảng viên một cách khoa học, khách quan và có tính thực tiễn cao. Cần rà soát, cập nhật nội dung bồi dưỡng theo hướng hiện đại và thực tiễn. Tổ chức đánh giá định kỳ hiệu quả của các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng. Xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cho từng cá nhân dựa trên kết quả đánh giá năng lực/thi đua khen thưởng. Cần định hướng rõ ràng hơn về chiến lược phát triển nghiên cứu khoa học theo hướng gắn với chuyên ngành đào tạo.

(7). Nhà trường cần tăng cường khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (bên trong) về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên, điều chỉnh/bổ sung các nội dung khảo sát phù hợp với đặc thù của các vị trí việc làm. Trên cơ sở Bản mô tả công việc và Khung năng lực của vị trí việc làm, Nhà trường cần tiếp tục rà soát các tiêu chí đánh giá năng lực để hoàn thiện *Bộ tiêu chí năng lực* của đội ngũ nhân viên, trong đó cần có các tiêu chí định lượng (KPIs). Cần có sự hỗ trợ tài chính và chế tài bắt buộc đủ mạnh để khuyến khích đội ngũ nhân viên tích cực tham gia đào tạo bồi dưỡng. Định kì khảo sát sự hài lòng của đội ngũ nhân viên về kết quả đánh giá phân loại mức độ hoàn thành công việc để kịp thời điều chỉnh cơ chế chính sách; đa dạng hoá hình thức thi đua khen thưởng, vinh danh và ghi nhận về thành tích và sự đóng góp của cán bộ, viên chức và người lao động, tạo động lực cho nhân viên phát huy năng lực, sở trường, cùng nhau xây dựng môi trường công tác hạnh phúc trong Nhà trường.

(8). Nhà trường cần thường xuyên cập nhật và phân tích chính xác nhu cầu nhân lực, dự báo sát thực tế thị trường lao động để định hướng tuyển sinh hiệu quả hơn. Cần đa dạng hóa hình thức truyền thông, tận dụng tối đa đội ngũ giảng viên, sinh viên và cựu sinh viên như các kênh lan tỏa thông tin tuyển sinh. Đồng thời, nâng cấp hoặc thay thế phần mềm quản lý đào tạo hiện tại để tăng cường khả năng phân tích dữ liệu học tập, thành lập bộ phận chuyên trách giám sát tiến độ và kết quả học tập nhằm có biện pháp hỗ trợ kịp thời. Các hoạt động hỗ trợ người học cần được đổi mới, xây dựng câu lạc bộ chuyên ngành, thu hút sinh viên tham gia và đánh giá hiệu quả để cải tiến.

(9). Nhà trường cần nâng cấp hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin theo hướng hiện đại một cách đồng bộ. Cần đầu tư xây dựng hệ thống LMS, Studio hỗ trợ sản xuất học liệu, bài giảng điện tử, nâng cao năng lực hệ thống công nghệ thông tin trong chuyển đổi số. Tăng cường xây dựng nguồn tài liệu, giáo trình nội sinh phục vụ công tác đào

tạo. Nhà trường cần mở rộng số lượng và đối tượng khảo sát để thu được số liệu có độ tin cậy cao hơn, từ đó tổng hợp, phân tích, đánh giá để thu thập được nhiều hơn khuyến nghị có giá trị.

(10). Nhà trường cần ban hành quy định về đánh giá kết quả học tập theo CĐR, trong đó có cách thức đo lường mức độ đạt được CĐR của học phần và CĐR của CTĐT, lựa chọn phương pháp dạy học, phương pháp và công cụ đánh giá đảm bảo tương thích với CĐR; ban hành quy trình rà soát, đánh giá độ tin cậy, độ giá trị của các đề thi học phần để làm căn cứ cho các đơn vị và giảng viên thực hiện. Mặt khác, Khoa/Bộ môn cần tiến hành rà soát, đánh giá và cải tiến phương pháp dạy học, phương pháp và công cụ đánh giá đáp ứng CĐR của CTĐT; rà soát, cập nhật đề cương học phần trong đó xác định các phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học tương thích với CĐR.

(11). Nhà trường cần nâng cao chất lượng việc phân tích, đánh giá tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp làm cơ sở cho các giải pháp hiệu quả giảm tỉ lệ sinh viên thôi học, tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng và trước hạn. Kết nối với người học tốt nghiệp và các nhà sử dụng lao động nắm bắt đầy đủ tình trạng và vị trí việc làm, khả năng tự lập nghiệp của người học tốt nghiệp để có những điều chỉnh cần thiết về CTĐT đáp ứng thị trường lao động. Tăng tỉ lệ sinh viên ngành Quản lý văn hoá tham gia NCKH tới mức trên 10%, bổ sung nội dung năng lực NCKH, đổi mới sáng tạo của sinh viên vào mục tiêu đào tạo; chú trọng mở rộng các loại hình hoạt động NCKH của sinh viên; tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các giải thưởng NCKH và tăng chi cho NCKH của người học đạt 3% tổng thu học phí. Nâng cấp Bộ tiêu chí đánh giá năng lực người học tốt nghiệp sát hợp với CĐR CTĐT để có những khảo sát đánh giá khoa học, khách quan về chất lượng người học tốt nghiệp và từ đó có những đáp ứng tích cực và hiệu quả hơn trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

* * *

Trên đây là những nhóm khuyến nghị tổng hợp, Nhà trường cần đồng thời nghiên cứu sâu Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể, khả thi cho việc thực hiện đảm bảo và cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kì kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục đối với CTĐT gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh theo quy định.

20

